

TỔNG CÔNG TY SONADEZI  
CÔNG TY CP SƠN ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2026.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CTCP Sơn Đồng Nai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP SƠN ĐỒNG NAI

- Mã chứng khoán: SDN
- Địa chỉ: Đường 6, KCN Hồ Nai, P. Hồ Nai, T. Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02513. 931.355 Fax: 02513.836.091.
- Email: linh.nguyen@dongnaipaint.com.vn Website: dongnaipaint.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/2/2026 tại đường dẫn: <https://dongnaipaint.com.vn>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất).....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:  
- BCTC năm 2025.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Đức Nhiên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 35





## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Chung	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2025)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đức Nhiên**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026



Số: 42/2026/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

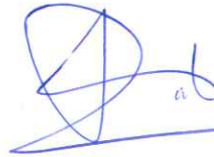
**K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026



**Đỗ Thành Đạt**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
6288-2023-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>51.075.213.910</b>	<b>53.058.109.947</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.715.712.022</b>	<b>4.588.484.559</b>
1. Tiền	111	4.1	5.715.712.022	4.588.484.559
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.777.727.918</b>	<b>27.869.367.682</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	22.271.554.596	29.225.045.261
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.259.025.609	45.232.960
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		527.386.907	869.308.893
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(2.280.239.194)	(2.270.219.432)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.4	<b>23.270.897.262</b>	<b>20.600.257.706</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.329.516.338	20.665.775.006
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.619.076)	(65.517.300)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>310.876.708</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.118.820	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	258.757.888	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.072.893.228</b>	<b>56.274.647.758</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>857.200.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		857.200.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>772.164.535</b>	<b>1.165.944.996</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	772.164.535	1.165.944.996
Nguyên giá	222		31.414.078.079	31.743.783.133
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.641.913.544)	(30.577.838.137)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>701.177.112</b>	<b>715.047.543</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		819.000.000	819.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(117.822.888)	(103.952.457)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>52.742.351.581</b>	<b>54.393.655.219</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	52.653.351.581	54.170.970.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		89.000.000	222.685.185
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>106.148.107.138</b>	<b>109.332.757.705</b>

(Xem tiếp trang sau)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.328.766.212</b>	<b>42.397.189.957</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.098.766.212</b>	<b>42.197.189.957</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	21.396.514.732	17.374.326.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		512.505.547	216.077.660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	127.865.941	824.947.540
4. Phải trả người lao động	314	4.9	2.757.898.187	2.930.807.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		738.771.301	3.373.103.725
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		18.500.000	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	10.364.465.873	13.474.768.889
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	3.182.244.631	4.003.158.936
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>230.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		230.000.000	200.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>66.819.340.926</b>	<b>66.935.567.748</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>66.819.340.926</b>	<b>66.935.567.748</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.12.2	30.364.360.000	30.364.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.364.360.000	30.364.360.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.6	22.942.119.888	21.270.364.407
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.12.6	1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.994.661.038	13.782.643.341
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.317.058.541	8.811.172.806
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.677.602.497	4.971.470.535
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>106.148.107.138</b>	<b>109.332.757.705</b>



Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	117.214.432.741	124.476.353.785
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	4.897.349.800	4.828.382.245
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		112.317.082.941	119.647.971.540
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	81.496.327.165	84.726.675.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.820.755.776	34.921.296.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.616.791	33.394.909
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.144.187.196	4.470.930.992
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.019.309.102</i>	<i>1.054.595.433</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.418.424.972	8.460.346.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.428.718.854	14.308.622.310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.836.041.545	7.714.791.871
11. Thu nhập khác	31	5.7	3.135.501.246	4.024.328.338
12. Chi phí khác	32		970.558.857	582.679.796
13. Lợi nhuận khác	40		2.164.942.389	3.441.648.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.000.983.934	11.156.440.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.180.276.826	2.306.492.106
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		133.685.185	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.687.021.923	8.849.948.307
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	1.762	2.366
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	1.762	2.366



Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.000.983.934	11.156.440.413
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	476.603.461	692.121.772
Các khoản dự phòng	03		16.991.969	191.342.144
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.188.687)	(38.516.675)
Chi phí lãi vay	06	5.4	1.019.309.102	1.054.595.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.507.699.779	13.055.983.087
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.172.301.182	(4.767.621.220)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.663.741.332)	958.288.010
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.010.733.420	2.115.680.571
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.517.618.453	(482.467.485)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.019.309.102)	(1.054.595.433)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(2.586.974.558)	(2.597.200.385)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.288.000	7.615.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.182.866.250)	(3.343.551.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.779.749.592	3.892.130.385
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(82.823.000)	(424.772.144)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	25.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.188.687	13.516.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.634.313)	(386.255.469)

(Xem tiếp trang sau)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	31.143.088.667	37.047.284.257
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(34.253.391.683)	(35.619.021.237)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.5	(5.465.584.800)	(4.554.654.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.575.887.816)</b>	<b>(3.126.390.980)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>				
(50 = 20+30+40)	50		1.127.227.463	379.483.936
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.588.484.559	4.209.000.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	5.715.712.022	4.588.484.559



Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2025 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.364.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 126 (01 tháng 01 năm 2025 là 149).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, sản xuất matit (bột trét tường).

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Chi nhánh Long Bình	Số 13, đường 3A, KCN Biên Hoà 2, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Chi nhánh Bắc Ninh (*)	Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

(\*) Chi nhánh Bắc Ninh đã ngưng hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 09 năm 2024 và vẫn đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục để chính thức giải thể, đóng mã số thuế chi nhánh.

**1.6. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo**

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện việc di dời nhà máy khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai để UBND thực hiện Đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường.

Theo đó, Công ty đã thuê nhà xưởng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2 và thành lập Chi nhánh Long Bình để tổ chức sản xuất tạm thời trong thời gian Công ty triển khai các thủ tục để xây dựng Nhà máy mới tại Khu công nghiệp Hố Nai. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục tổ chức mời thầu và đấu giá thanh lý tài sản tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 9.885.079.711 VND – Xem thêm Mục 4.5.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem tiếp trang sau)



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính.

### **3.4. Nợ phải thu**

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.5. Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

**3.7. Thuê tài sản**

***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11. Doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**3.12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chiết khấu thanh toán, chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nguyên vật liệu, bao bì; chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí khuyến mãi, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.16. Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Tiền mặt	350.197.854	354.793.468
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.365.514.168	4.233.691.091
<b>Cộng</b>	<b>5.715.712.022</b>	<b>4.588.484.559</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Công ty TNHH PPG Việt Nam	4.135.951.083	4.566.700.839
Các khách hàng khác (*)	18.135.603.513	24.658.344.422
<b>Cộng</b>	<b>22.271.554.596</b>	<b>29.225.045.261</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Quyền phải thu ngắn hạn của khách hàng tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.289.930.132	9.690.938	2.289.930.132	19.710.700

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì công nợ đã tồn đọng nhiều năm.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	2.270.219.432	2.172.166.249
Trích lập trong năm	10.019.762	98.053.183
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.280.239.194</b>	<b>2.270.219.432</b>

(Xem tiếp trang sau)

789-  
i TY  
IH  
& TUA  
T NAI  
iO-CY

W.S.D.N: 382  
A

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu (Tiếp theo)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	Trên 3 năm	1.096.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Minh Khôi	367.017.470	-	Trên 3 năm	367.017.470	-	Trên 3 năm
			Từ 2 năm đến trên 3 năm			Từ 1 năm đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	826.912.662	9.690.938		826.912.662	19.710.700	
Cộng	2.289.930.132	9.690.938		2.289.930.132	19.710.700	

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	7.640.492.533	(36.501.117)		7.783.313.681	(36.501.117)	
Công cụ, dụng cụ	704.943.113	-		825.294.792	-	
Bán thành phẩm	567.523.721	-		594.722.824	-	
Thành phẩm	14.341.621.671	(22.117.959)		11.461.769.701	(29.016.183)	
Hàng hóa	74.935.300	-		674.008	-	
Cộng	23.329.516.338	(58.619.076)		20.665.775.006	(65.517.300)	

Giá trị hàng tồn kho tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	7.953.820.577	15.996.646.457	7.620.555.554	172.760.545	31.743.783.133
Mua trong năm	-	82.823.000	-	-	82.823.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(412.528.054)	-	-	(412.528.054)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>7.953.820.577</b>	<b>15.666.941.403</b>	<b>7.620.555.554</b>	<b>172.760.545</b>	<b>31.414.078.079</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	7.953.820.577	15.303.575.805	7.172.468.710	147.973.045	30.577.838.137
Khấu hao trong năm	-	273.032.574	190.070.887	13.500.000	476.603.461
Thanh lý, nhượng bán	-	(412.528.054)	-	-	(412.528.054)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>7.953.820.577</b>	<b>15.164.080.325</b>	<b>7.362.539.597</b>	<b>161.473.045</b>	<b>30.641.913.544</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	-	693.070.652	448.086.844	24.787.500	1.165.944.996
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>-</b>	<b>502.861.078</b>	<b>258.015.957</b>	<b>11.287.500</b>	<b>772.164.535</b>

Nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 4.983.378.447 VND và 0 VND – Xem thêm Mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 9.885.079.711 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.039.614.582 VND.

1024-  
CÔNG TY  
PHẦN  
SỐN  
NG N  
4 ĐƠN

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

**Địa chỉ:** Đường số 6, khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thuế đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai với thời hạn thuế từ 06/06/2022 đến 31/05/2065.

#### 4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
Công ty TNHH Khai thác Sản xuất Thương mại và Vận tải Đá Trắng Phải trả cho các đối tượng khác (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	2.199.305.110	2.199.305.110	1.763.047.188	1.763.047.188
	19.197.209.622	19.197.209.622	15.611.278.814	15.611.278.814
	<b>21.396.514.732</b>	<b>21.396.514.732</b>	<b>17.374.326.002</b>	<b>17.374.326.002</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	-	-	4.087.395.886	4.618.496.523	-	531.100.637
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	473.966.470	473.966.470	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	258.757.888	-	2.180.276.826	2.586.974.558	-	147.939.844
Thuế thu nhập cá nhân	-	127.865.941	519.892.281	537.933.399	-	145.907.059
Các loại thuế khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	188.409.170	188.409.170	-	-
Cộng	258.757.888	127.865.941	7.453.440.633	8.409.280.120	-	824.947.540

(\*) Trong đó, thuế giá trị gia tăng đầu ra được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	10.390.120.202	6.302.724.316	4.618.496.523	531.100.637

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và lương tháng 13 năm 2025 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(Xem tiếp trang sau)

2236  
CÔNG  
TN  
TOÁN  
M V  
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	10.364.465.873	10.364.465.873	31.143.088.667	34.253.391.683	13.474.768.889	13.474.768.889

Đây là khoản vay ngắn hạn bằng VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn vay không quá 06 tháng, hạn mức tín dụng 30 tỷ VND và lãi suất theo từng giấy nhận nợ từ 7,3% - 7,5%/năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, được thể chấp bằng các tài sản đảm bảo sau:

- Quyền đối với khoản phải thu đã và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai với giá trị tối thiểu 15 tỷ VND – Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho với mức duy trì tối thiểu 15 tỷ VND – Xem thêm Mục 4.4;
- Tài sản cố định hữu hình có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 4.983.378.447 VND và 0 VND – Xem thêm Mục 4.5.

4.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tại ngày 01/01	4.003.158.936	5.673.105.001
Trích lập trong năm	1.337.663.945	1.665.990.695
Thu khác	24.288.000	7.615.000
Sử dụng trong năm	(2.182.866.250)	(3.343.551.760)
Tại ngày 31/12	3.182.244.631	4.003.158.936

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT") VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	30.364.360.000	6.587.580.230	1.518.200.000	25.836.123.906	64.306.264.136
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.849.948.307	8.849.948.307
Trích bổ sung quỹ ĐTPT năm 2023	-	12.470.297.100	-	(12.470.297.100)	-
Trích quỹ ĐTPT năm 2024	-	2.212.487.077	-	(2.212.487.077)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	-	-	(1.665.990.695)	(1.665.990.695)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(4.554.654.000)	(4.554.654.000)
Tại ngày 01/01/2025	30.364.360.000	21.270.364.407	1.518.200.000	13.782.643.341	66.935.567.748
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.687.021.923	6.687.021.923
Tạm trích quỹ ĐTPT năm 2025 (*)	-	1.671.755.481	-	(1.671.755.481)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 (*)	-	-	-	(1.337.663.945)	(1.337.663.945)
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	(5.465.584.800)	(5.465.584.800)
Tại ngày 31/12/2025	30.364.360.000	22.942.119.888	1.518.200.000	11.994.661.038	66.819.340.926

(\*) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024 và tạm trích lập các quỹ năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2025 ngày 18 tháng 04 năm 2025.

(Xem tiếp trang sau)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	9.110.880.000	9.110.880.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex	3.303.800.000	3.303.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	17.949.680.000	17.949.680.000
<b>Cộng</b>	<b>30.364.360.000</b>	<b>30.364.360.000</b>

**4.12.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.036.436	3.036.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.036.436	3.036.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.036.436	3.036.436

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.687.021.923	8.849.948.307
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.337.663.945)	(1.665.990.695)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.349.357.978	7.183.957.612
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.036.436	3.036.436
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.762</b>	<b>2.366</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là số tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2025 ngày 18 tháng 04 năm 2025.

**4.12.5. Cổ tức**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	5.465.584.800	4.554.654.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông (*)	(5.465.584.800)	(4.554.654.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, cổ tức đã trả cho các bên liên quan –  
Xem thêm Mục 8

(1.956.340.800) (1.630.584.000)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>
Tại ngày 01/01/2025	21.270.364.407	1.518.200.000
Trích trong năm	1.671.755.481	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>22.942.119.888</b>	<b>1.518.200.000</b>

**4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Tài sản thuê ngoài:</b>		
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	5.847.090.878	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	4.498.127.312	686.252.061
Trên 5 năm	-	2.607.757.832
<b>Cộng</b>	<b>10.345.218.190</b>	<b>3.577.963.821</b>
	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>

**Nợ khó đòi đã xử lý:**

Xóa sổ theo Nghị quyết HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750
---	---------------	---------------

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	93.730.994.959	96.432.342.903
Doanh thu gia công sơn	23.483.437.782	28.044.010.882
<b>Cộng</b>	<b>117.214.432.741</b>	<b>124.476.353.785</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	477.404.150	12.121.850

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	4.142.999.938	4.287.951.045
Giảm giá hàng bán	11.465.355	-
Hàng bán bị trả lại	742.884.507	540.431.200
<b>Cộng</b>	<b>4.897.349.800</b>	<b>4.828.382.245</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng	63.799.575.642	64.157.649.313
Giá vốn gia công sơn	17.696.751.523	20.569.025.905
<b>Cộng</b>	<b>81.496.327.165</b>	<b>84.726.675.218</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thanh toán	3.075.552.328	3.282.241.695
Lãi tiền vay	1.019.309.102	1.054.595.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.455.335	30.141.407
Dự phòng tổn thất đầu tư	13.870.431	103.952.457
<b>Cộng</b>	<b>4.144.187.196</b>	<b>4.470.930.992</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	1.127.502.284	1.153.328.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.776.181	70.400.796
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.019.748.870	4.234.829.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.196.154	516.963.719
Chi phí bằng tiền khác	2.609.201.483	2.484.822.938
<b>Cộng</b>	<b>6.418.424.972</b>	<b>8.460.346.058</b>

Chi phí bán hàng năm nay giảm khoảng 24% so với năm trước chủ yếu do Công ty thu hẹp quy mô các hoạt động xúc tiến thương mại, bao gồm khuyến mãi và quảng cáo.

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	5.581.523.240	6.257.651.563
Chi phí vật liệu quản lý	506.363.927	557.623.616
Chi phí đồ dùng văn phòng	171.128.036	112.243.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	190.633.587	278.573.878
Thuế, phí và lệ phí	145.588.807	98.860.439
Chi phí sử dụng hạ tầng	1.517.618.453	3.220.514.333
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.019.762	98.053.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.836.670	571.867.115
Chi phí bằng tiền khác	4.836.006.372	3.113.235.011
<b>Cộng</b>	<b>13.428.718.854</b>	<b>14.308.622.310</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	2.529.718.367	3.169.204.884
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	420.938.737	616.252.780
Thu nhập khác	184.844.142	238.870.674
<b>Cộng</b>	<b>3.135.501.246</b>	<b>4.024.328.338</b>

Thu nhập khác năm nay giảm khoảng 22% so với năm trước chủ yếu do thu nhập từ cho thuê và quản lý kho giảm vì khách hàng thay đổi nhu cầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.770.194.013	54.947.078.066
Chi phí nhân công	24.223.450.654	27.523.405.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.603.461	692.121.772
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.019.762	98.053.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.125.507.530	13.529.006.807
Chi phí khác bằng tiền	7.590.348.438	8.939.032.721
<b>Cộng</b>	<b>104.196.123.858</b>	<b>105.728.697.753</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.869.953.436	2.306.492.106
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	310.323.390	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.180.276.826</b>	<b>2.306.492.106</b>

(\*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.000.983.934	11.156.440.413
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.462.209.170	789.446.044
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.113.425.926)	(413.425.926)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	9.349.767.178	11.532.460.531
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.869.953.436	2.306.492.106
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.869.953.436</b>	<b>2.306.492.106</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	31.143.088.667	37.047.284.257

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(34.253.391.683)	(35.619.021.237)

*(Xem tiếp trang sau)*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại;
- Gia công sơn.

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	88.833.645.159	91.603.960.658	23.483.437.782	28.044.010.882	112.317.082.941	119.647.971.540
<b>Cộng</b>	<b>88.833.645.159</b>	<b>91.603.960.658</b>	<b>23.483.437.782</b>	<b>28.044.010.882</b>	<b>112.317.082.941</b>	<b>119.647.971.540</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận	7.663.518.301	7.636.018.819	3.310.093.649	4.516.309.135	10.973.611.950	12.152.327.954
Thu nhập tài chính					6.616.791	33.394.909
Chi phí tài chính					(4.144.187.196)	(4.470.930.992)
Thu nhập khác					3.135.501.246	4.024.328.338
Chi phí khác					(970.558.857)	(582.679.796)
Lợi nhuận trước thuế					9.000.983.934	11.156.440.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.180.276.826)	(2.306.492.106)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(133.685.185)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>6.687.021.923</b>	<b>8.849.948.307</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản của bộ phận	41.010.915.399	42.771.604.726	4.296.512.582	6.122.027.377	45.307.427.981	48.893.632.103
Tài sản không phân bổ					60.840.679.157	60.439.125.602
<b>Tổng tài sản</b>					<b>106.148.107.138</b>	<b>109.332.757.705</b>

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ phải trả của bộ phận	32.273.486.152	31.065.172.551	-	-	32.273.486.152	31.065.172.551
Nợ phải trả không phân bổ					7.055.280.060	11.332.017.406
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>39.328.766.212</b>	<b>42.397.189.957</b>

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND

Chi phí mua sắm tài sản	82.823.000	424.772.144	-	-	82.823.000	424.772.144
Chi phí khấu hao	427.920.285	504.564.635	48.683.176	187.557.137	476.603.461	692.121.772

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý thành một khoản mục riêng biệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |  |
|---|--|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp  | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể             |
| 2. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi  | Công ty trong cùng tập đoàn              |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi   | Công ty trong cùng tập đoàn              |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai  | Công ty trong cùng tập đoàn              |
| 5. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình   | Công ty trong cùng tập đoàn              |
| 6. Công ty TNHH Phương Đông   | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 7. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGD), Ban Kiểm soát và nhân sự quản lý khác | Nhân sự quản lý chủ chốt                 |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Bán hàng – Xem thêm Mục 5.1:</b>		
Công ty TNHH Phương Đông	477.404.150	12.121.850
	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ:</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	207.427.664	240.466.263
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	113.678.500	108.420.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	38.640.000	46.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	33.058.356	29.147.479
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	2.173.500	-
<b>Cộng</b>	<b>394.978.020</b>	<b>424.033.742</b>
	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Cổ tức đã trả:</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	1.639.958.400	1.366.632.000
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	14.400.000	12.000.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	23.760.000	19.800.000
Ông Đào Đình Đề	268.502.400	227.052.000
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	6.120.000	5.100.000
Bà Bùi Thị Thuý Liên	3.600.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.12.5</b>	<b>1.956.340.800</b>	<b>1.630.584.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	512.451.000	590.245.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	571.662.000	634.547.000
Ông Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	87.592.000	113.992.000
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	87.592.000	113.992.000
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	56.661.000	-
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)	30.931.000	113.992.000
Ông Phạm Quốc Việt	Phó TGD (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	250.561.000	-
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó TGD (miễn nhiệm ngày 01/05/2025)	143.804.000	433.389.000
Bà Nguyễn Thị Chung	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	56.661.000	-
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)	30.931.000	113.992.000
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	177.784.000	64.996.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	45.846.000	64.996.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	354.742.000	343.741.000
<b>Cộng</b>		<b>2.407.218.000</b>	<b>2.522.886.000</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 02 năm, với tiền thuê cố định mỗi năm:

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.291.049.685	238.616.850
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		
	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Từ 1 năm trở xuống	5.847.090.878	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	4.498.127.312	686.252.061
Trên 5 năm	-	2.607.757.832
<b>Cộng</b>	<b>10.345.218.190</b>	<b>3.577.963.821</b>

Các khoản cam kết phải trả theo các hợp đồng thuê tăng mạnh tại thời điểm 31/12/2025 chủ yếu do chi phí thuê nhà xưởng tại địa điểm mới tăng cao từ việc di dời nhà máy - Xem thêm Mục 1.6.

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Đức Nhiên  
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà  
Người lập

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026